

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ Ở BIỂN ĐÔNG TRONG NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỈ XXI

Lê Sỹ Hưng¹

TÓM TẮT

Biển Đông không chỉ có vị trí quan trọng đối với các cường quốc hàng hải trên thế giới, mà còn là trọng điểm cạnh tranh chiến lược của các nước lớn. Mặt khác, Biển Đông là nơi đang diễn ra nhiều tranh chấp quyết liệt về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán giữa các quốc gia ven biển do quan điểm của mỗi bên khác xa nhau, không tìm được sự đồng thuận về cách giải quyết vấn đề. Lợi ích của Mỹ ở Biển Đông bao gồm các loại lợi ích đa dạng về tự do hàng hải, kinh tế, chính trị, quân sự và an ninh. Bài viết đi sâu phân tích và luận giải một cách có hệ thống về chính sách của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông trong những thập niên đầu thế kỉ XXI. Chính sách đối ngoại của Mỹ với Biển Đông có sự thay đổi theo chiều hướng gia tăng sự can dự của Mỹ, nhằm phản ứng lại tình hình gia tăng căng thẳng đối với các tranh chấp, và đặc biệt đối với các hành vi của Trung Quốc. Mặc dù Mỹ không đứng về bên nào trong các yêu sách về chủ quyền, tuy nhiên, Mỹ vẫn tăng cường can dự vào vấn đề với trọng tâm là kiểm soát hòa bình các yêu sách và cuối cùng là giải quyết hòa bình tranh chấp.

Từ khóa: Mỹ, Biển Đông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biển Đông nằm giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, có tầm quan trọng về địa - chính trị và địa - kinh tế. Trong Biển Đông có hai quần đảo Hoàng Sa (Paracel Islands) và Trường Sa (Spratly Islands) giữ vị trí chiến lược quan trọng, kiểm soát các tuyến đường giao thông trên biển. Trong những năm gần đây, việc phát hiện các nguồn tài nguyên biển giàu có, đặc biệt là dầu lửa với trữ lượng có thể đạt tới hàng trăm tỉ thùng, Biển Đông còn có nhiều kim loại quý và nguồn hải sản rất phong phú [5; tr.9-10]. Với vị trí chiến lược và nguồn tài nguyên phong phú, Biển Đông đã trở thành nguyên nhân chủ yếu của những cuộc tranh chấp về quyền lợi biển ngày càng quyết liệt. Trong những thập niên đầu thế kỉ XXI, vấn đề tranh chấp đã biến chuyển thành nấc thang mới khi nhiều cấu trúc địa lý ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa được Trung Quốc tôn tạo thành các cứ điểm quân sự tiền duyên có tầm quan trọng về chiến lược.

Biển Đông đã trở thành trung tâm của cạnh tranh địa - chính trị lâu dài, sự lớn mạnh của Trung Quốc sẽ thúc đẩy cạnh tranh quyền lực và chủ nghĩa dân tộc. Ở khía cạnh nào đó, Biển Đông là thuốc thử về cán cân quyền lực mới giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, việc Trung Quốc nêu tham vọng yêu sách và sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự

¹ Giảng viên khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

để củng cố yêu sách sẽ đe dọa đến sự thống trị của Mỹ tại Châu Á - Thái Bình Dương [4]. Mặc dù không có yêu sách đối với các thực thể tranh chấp ở đây, nhưng Mỹ vẫn tăng cường mối quan tâm và mối liên quan của mình bằng các nỗ lực kiểm soát những căng thẳng này. Chính sách của Mỹ đối với Biển Đông là một thành tố quan trọng trong tổng thể chiến lược *châu Á - Thái Bình Dương* của Mỹ, nhằm đảm bảo tự do hàng hải và hàng không ở Biển Đông, kiềm chế và răn đe Trung Quốc trong vấn đề sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo, duy trì niềm tin đối với các nước đồng minh chiến lược của Mỹ ở khu vực.

2. NỘI DUNG

2.1. Những lợi ích của Mỹ ở Biển Đông

Mỹ và các nước khác có lợi ích quan trọng về tự do hàng hải, bao gồm cả tự do thương mại và hoạt động quân sự, trong khi Trung Quốc đang tìm mọi cách để hạn chế tự do này, bao gồm cả việc đòi xem xét lại các luật lệ trên biển từ trước đến nay và phát triển sức mạnh quân sự nhằm ngăn chặn sự trở lại của Mỹ đến khu vực Đông Nam Á. Do đó, Chính quyền Mỹ cần tích cực và không ngừng quan tâm đến vấn đề Biển Đông, tăng cường hợp tác, nhưng hợp tác chỉ có thể đạt hiệu quả dựa trên sức mạnh răn đe quân sự của Mỹ.

Lợi ích của Mỹ tại Biển Đông nằm trong lợi ích đa dạng và trải rộng của họ tại Đông Á, Tây Thái Bình Dương với tư cách là một cường quốc. Trong báo cáo của Trung tâm an ninh mới của Mỹ (CNAS), các lợi ích của Mỹ đang ngày càng bị đe dọa trước sự lớn mạnh về quân sự và kinh tế của Trung Quốc. Mỹ và các nước khác có lợi ích quan trọng về tự do hàng hải, bao gồm cả tự do thương mại và hoạt động quân sự; trong khi Trung Quốc đang tìm mọi cách để hạn chế tự do này, bao gồm cả việc đòi xem xét lại các luật lệ trên biển từ trước đến nay và phát triển sức mạnh quân sự nhằm ngăn chặn “*tiếp cận*” đến khu vực. Báo cáo đánh giá tầm quan trọng của Biển Đông ở các khía cạnh:

Biển Đông là trung tâm dân số của thế giới trong thế kỉ XXI, thông qua giao thương hàng hóa, tài nguyên của 1,5 tỷ người Trung Quốc, 600 triệu người Đông Nam Á và 1,3 tỷ người tiểu lục địa Ấn Độ;

Các tuyến đường vận tải qua Biển Đông là giao thoa của toàn cầu hóa và địa chính trị;

Biển Đông là “Vịnh Péc-xích thứ hai về dầu mỏ”, với trữ lượng hơn 130 tỷ thùng (nếu dựa vào đánh giá của phía Trung Quốc), và nếu Trung Quốc kiểm soát được nguồn năng lượng này thì sẽ ít phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Đông và vận tải qua eo Malacca, qua đó có thể “*độc lập*” hơn, ít bị “*tổn thương*” so với vận tải qua các tuyến đường hiện nay do Hải quân Mỹ đảm bảo an ninh;

Ở khía cạnh nào đó, Biển Đông là “*trận chiến chính*” của việc chuyển giao quyền lực thế giới, là thuốc thử về cán cân quyền lực mới giữa Trung Quốc và Mỹ.

Do đó, chính quyền Mỹ cần tích cực và không ngừng quan tâm đến vấn đề Biển Đông. Mỹ cần phải tăng cường hợp tác nhưng hợp tác chỉ có thể đạt hiệu quả dựa trên sức mạnh răn đe quân sự của Mỹ [4].

Lợi ích kinh tế, thương mại

Biển Đông được xác định là một trong 10 vùng biển có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới, mặc dù Mỹ đã phát triển các nguồn năng lượng thay thế như năng lượng gió, mặt trời... nhưng dầu mỏ đến nay vẫn là nguồn năng lượng tiêu thụ chính của Mỹ, nên Mỹ vẫn cần nguồn năng lượng tại Biển Đông. Tuy trữ lượng dầu mỏ ở Biển Đông vẫn chưa được xác định cụ thể. Với tốc độ giá dầu ngày càng tăng như hiện nay, tình hình tranh chấp tại Biển Đông có thể căng thẳng hơn nếu người ta tìm thấy bằng chứng về trữ lượng dầu mỏ lớn hơn [15; tr.100].

Tự do hàng hải là lợi ích then chốt và cũng là lợi ích kinh tế và an ninh quan trọng nhất đối với Mỹ. Biển Đông là tuyến đường thương mại quan trọng và Mỹ coi tuyến đường này là vùng biển quốc tế cho phép tàu thuyền quân sự và thương mại tự do qua lại. Sự tăng trưởng kinh tế và an ninh của Mỹ phụ thuộc vào việc duy trì tự do hàng hải với cả tàu buôn và tàu quân sự. Mỹ luôn ủng hộ tự do hàng hải trên thế giới, bao gồm cả Biển Đông, và có lợi ích tại các tuyến đường biển trong khu vực và do đó quan tâm đến việc giải quyết hòa bình tranh chấp tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và các vùng khác. Nước nào kiểm soát được Biển Đông thì về cơ bản sẽ kiểm soát được Đông Nam Á, đồng thời sẽ đóng vai trò mang tính quyết định đối với tương lai của Tây Thái Bình Dương, bao gồm cả việc kiểm soát tuyến đường hàng hải chiến lược giữa Đông Á và mỏ dầu Trung Đông. Hàng năm có khoảng 70% khối lượng dầu mỏ nhập khẩu và khoảng 45% khối lượng hàng hoá xuất khẩu của Nhật Bản được vận chuyển qua Biển Đông. Trung Quốc có 29/39 tuyến đường hàng hải và khoảng 60% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu được vận chuyển bằng đường biển qua Biển Đông [2]. Do vị trí chiến lược của vùng biển này, Mỹ tất yếu muốn duy trì vai trò chủ đạo và ảnh hưởng của mình ở khu vực Biển Đông. Đây là vấn đề xuyên suốt từ thời Tổng thống Obama đến Tổng thống Trump.

Lợi ích an ninh, quân sự

Biển Đông là tuyến đường giao thông quan trọng trong hệ thống phòng thủ của Mỹ nhằm đối phó với các thách thức an ninh, như chống hải tặc và khủng bố, đặc biệt tại eo biển Malacca. Mỹ đã gia tăng can dự và kiểm soát ở eo biển Malacca và khu vực Biển Đông. Điều này được thể hiện bằng việc Mỹ đưa ra hàng loạt sáng kiến mới như: “*Sáng kiến an ninh Contenno*” (CSI), “*Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực*” (RMSI) với một số nước ASEAN vào năm 2004. Ngoài ra, Mỹ còn tăng tần số các cuộc tập trận chung trên Biển Đông và điều quân số nhiều hơn đến đồn trú tại Đông Nam Á.

Mỹ bảo vệ lợi ích của mình và các đồng minh, duy trì một sự hiện diện quân sự trong khu vực. Mỹ cũng thực hiện chính sách quay trở lại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Đến năm 2020, Mỹ sẽ triển khai 60% năng lực hải quân của mình tại Thái Bình Dương và 40% tại Đại Tây Dương, thay đổi so với tỉ lệ 50:50 hiện nay [12].

Biển Đông đã trở thành trung tâm của cạnh tranh địa - chính trị lâu dài, sự lớn mạnh của Trung Quốc, sẽ thúc đẩy cạnh tranh quyền lực và chủ nghĩa dân tộc. Ở khía cạnh nào đó, Biển Đông là thuốc thử về cán cân quyền lực mới giữa Trung Quốc và Mỹ, việc Trung

Quốc nêu tham vọng yêu sách và nhất là sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự để thực hiện yêu sách của mình sẽ đe dọa đến “*độ tin cậy*” của sức mạnh quân sự và vai trò chủ đạo của Mỹ tại Châu Á - Thái Bình Dương [1].

2.2. Biển Đông trong chính sách đối ngoại của Mỹ

Chính sách đối ngoại của Mỹ ở Biển Đông tập trung vào việc bảo vệ lợi ích của Mỹ và đồng minh, Mỹ muốn thấy sự phát triển chứ không phải là xung đột vũ trang xảy ra tại Biển Đông. Mỹ cũng muốn duy trì quan hệ cân bằng với các nước ven biển ở khu vực. Tuy nhiên, việc Mỹ can dự vào vấn đề Biển Đông là có ý đồ chiến lược sâu xa hơn. Lợi dụng vấn đề Biển Đông để kiềm chế Trung Quốc và bảo đảm quyền chủ đạo tại Châu Á-Thái Bình Dương của Mỹ. Sự can dự của Mỹ phần nào cũng hạn chế bớt sự hung hăng và ngang ngược của Trung Quốc tại Biển Đông [8].

Trong thời gian dài, Mỹ duy trì chính sách “không can dự” vào các tranh chấp ở Biển Đông. Sau chiến tranh lạnh, Mỹ bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới xung đột tại Biển Đông. Mỹ đã gia tăng can dự và kiểm soát ở eo biển Malacca và khu vực Biển Đông. Điều này được thể hiện bằng việc Mỹ đưa ra hàng loạt sáng kiến mới như: “*Sáng kiến an ninh Contenno*” (CSI), “*Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực*” (RMSI) với một số nước ASEAN. Ngoài ra, Mỹ còn tăng tần số các cuộc tập trận chung trên Biển Đông và điều quân số nhiều hơn đến đồn trú tại Đông Nam Á. Mỹ coi những vùng biển sâu ở Biển Đông là vùng biển chung của quốc tế. Lợi ích chiến lược của Mỹ trong việc duy trì tuyến giao thông nối liền Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Đại Tây Dương làm cho Mỹ thấy sự cần thiết phải chống lại bất cứ tuyên bố hải phận nào vượt quá công ước quốc tế về luật biển [7; tr.30-31].

Các cuộc đụng độ Mỹ - Trung ở Biển Đông đã nhiều lần xảy ra. Ngày 1-4-2001, Mỹ cho máy bay, bay qua vùng Biển Đông. Trung Quốc điều phi cơ và đụng vào máy bay Mỹ. Máy bay Trung Quốc rớt, còn máy bay Mỹ bị hư hại phải hạ cánh xuống Đảo Hải Nam. Sự kiện này là nguyên nhân dẫn đến tình trạng căng thẳng giữa hai nước, Mỹ đã từ chối xin lỗi khi Trung Quốc lên án là Mỹ xâm phạm vào chủ quyền của họ. Mỹ cho rằng bay ngoài vùng cách lãnh hải Trung Quốc 32 hải lý là thuộc quyền tự do thông thương trên bầu trời nằm trên vùng đặc quyền kinh tế; việc này hoàn toàn hợp pháp theo Công ước về Luật biển [6].

Từ 2007 đến 2010, yêu sách về chủ quyền Biển Đông của Trung Quốc ngày càng tăng. Những hành động như vậy bao gồm sự đe dọa của Trung Quốc đối với các công ty dầu khí nước ngoài đầu tư tại các lô khai thác ngoài khơi bờ biển Việt Nam, Trung Quốc bắt giữ hàng trăm ngư dân Việt Nam hoạt động tại vùng biển gần quần đảo Hoàng Sa năm 2008 và 2009, Trung Quốc cản trở hoạt động của tàu USNS Impeccable cách đảo Hải Nam khoảng 75 hải lý vào tháng 3/2009, Trung Quốc áp đặt lệnh cấm đánh bắt cá theo mùa ở phần phía Bắc Biển Đông, sự gia tăng tuần tra của các cơ quan chấp pháp trên biển của Trung Quốc tại các vùng biển tranh chấp, sự gia tăng về tần suất và quy mô tập trận hải quân của Trung Quốc tại Biển Đông [14; tr.16-17].

Tại Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) ngày 24-7-2010. Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton đã tuyên bố công khai về chính sách của Mỹ, một tuyên bố công khai ở cấp cao

nhất của Mỹ từ trước tới giai đoạn này. Trong tuyên bố Mỹ khẳng định những yếu tố cốt lõi về tuyên bố chính sách năm 1995, đó là *“Mỹ có lợi ích quốc gia về tự do hàng hải”* phản đối *“tất cả các bên sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực”* và *“không đứng về bên nào”* trong các tuyên bố yêu sách lãnh thổ, có thể tóm lược thành những điểm sau:

Mỹ cũng như các nước khác có lợi ích quốc gia trong việc đảm bảo tự do thông thương hàng hải, quyền tự do tiếp cận các vùng biển chung của châu Á và sự tôn trọng luật pháp quốc tế ở Biển Đông.

Mỹ ủng hộ tiến trình đàm phán hòa bình giữa tất cả các bên có yêu sách chủ quyền ở Biển Đông. Mỹ phản đối bất kỳ sự sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực bởi bất kỳ bên nào.

Mỹ không đứng về bên nào trong tranh chấp chủ quyền Biển Đông.

Mỹ sẵn sàng hỗ trợ các sáng kiến và biện pháp xây dựng lòng tin phù hợp với tuyên bố năm 2002 giữa Trung Quốc và ASEAN về ứng xử giữa các bên ở Biển Đông.

Các bên có tranh chấp theo đuổi các tuyên bố chủ quyền và các quyền kèm theo đối với vùng biển phải phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật biển [13].

Với tuyên bố mới về chính sách đối ngoại của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông năm 2010, Mỹ cho thấy đã lên kế hoạch đầy đủ để vừa duy trì tính trung lập trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ trong khi vẫn tăng cường sự can dự của mình trong tranh chấp. Tất nhiên, Mỹ không phải là cường quốc duy nhất tăng cường can dự nhiều hơn vào vấn đề này. Trong thời gian đó, các quốc gia như Nhật Bản và Ấn Độ cũng bắt đầu bày tỏ mối quan ngại của mình về những căng thẳng trong khu vực. Tuy nhiên, vì Trung Quốc được xem là nguyên nhân chủ yếu gây ra những căng thẳng, do đó sự can dự của Mỹ có thể sẽ có tác dụng hạn chế Trung Quốc tự do thực hiện hành động khẳng định yêu sách của mình.

Năm 2012 xảy ra tình trạng căng thẳng giữa Philippines và Trung Quốc về tranh chấp chủ quyền bãi đá ngầm Scarborough (Trung Quốc gọi là Hoàng Nham). Tình hình căng thẳng hơn khi Trung Quốc điều nhiều tàu tới khu vực này, áp đảo Philippines về số lượng. Họ thậm chí còn không cho tàu Philippines vào Scarborough đánh bắt hải sản. Trước tình hình trên, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton và Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta tuyên bố là Mỹ không đứng về phe nào trong tranh chấp Biển Đông nhưng vẫn tôn trọng hiệp ước phòng thủ tập thể 1951. Theo hiệp ước đó, mỗi nước có nhiệm vụ bảo vệ bên kia trong trường hợp nước đó bị tấn công vũ trang. Mặc dù Mỹ không nói rõ khả năng can thiệp của Mỹ trong trường hợp xảy ra xung đột giữa Philippines và Trung Quốc, nhưng Mỹ phản đối mạnh mẽ việc đe dọa hay sử dụng vũ lực để khẳng định chủ quyền của bất kỳ nước nào.

Tại đối thoại Shangri-La 2012, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Panetta đã nhấn mạnh: *“Mỹ đã có sự hiện diện sức mạnh tại Thái Bình Dương trong quá khứ và trong tương lai chúng tôi vẫn sẽ như vậy và sẽ tiếp tục được tăng cường”* [3]. Quan điểm của Mỹ tại đối thoại Shangri-La 2012 là cả Trung Quốc và ASEAN phải tôn trọng bộ quy tắc ứng xử Biển Đông.

Trong năm 2013 và 2014, Trung Quốc đã gia tăng các hoạt động xây lắp các đảo nhân tạo ở khu vực Biển Đông, xây dựng các đường băng và triển khai vũ khí quân sự ra

các đảo. Tháng 7-2016 Tòa Trọng tài Thường trực (Permanent Court of Arbitration “PCA”) ở The Hague (Hà Lan) đã ra phán quyết về vụ kiện Biển Đông giữa Trung Quốc và Philippines. Tuyên bố của tòa là *“không có cơ sở pháp lý”* cho việc Trung Quốc đòi hỏi *“quyền lịch sử”* trên những tài nguyên tại các vùng biển nằm trong bản đồ đường 9 đoạn” ở Biển Đông.

Đầu tháng 2-2014, tại phiên điều trần trước Quốc hội Mỹ của Daniel Russel, Thứ trưởng Ngoại giao phụ trách các vấn đề Đông Á đưa ra một tuyên bố chi tiết nhất từ trước đến nay về chính sách đối ngoại của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông. Bản tuyên bố chỉ đích danh Trung Quốc là quốc gia có những hành động làm gia tăng căng thẳng trong khu vực. Trung Quốc là quốc gia yêu sách duy nhất được đề cập trong phiên điều trần là nước gây ra những bất ổn. Bản tuyên bố cũng nêu rõ quan điểm của Mỹ, đó là theo như thông lệ luật quốc tế thì *“tất cả các yêu sách biển phải bắt nguồn từ các thực thể và nếu không thì phải phù hợp với luật biển quốc tế”* Đặc biệt, Russel nêu rõ ngụ ý trong tuyên bố 2010 của bà Clinton rằng, đường 9 đoạn của Trung Quốc trái với luật pháp quốc tế và đó không thể là cơ sở pháp lý cho những yêu sách trên biển tại Biển Đông. Russel đã chỉ ra rằng, *“việc Trung Quốc sử dụng đường 9 đoạn để đưa ra yêu sách đối với các vùng biển không dựa trên các thực thể là trái với luật pháp quốc tế”*, đồng thời Russel khẳng định sự ủng hộ của Mỹ đối với quyết định của Philippines khi theo đuổi việc giải quyết tranh chấp với Trung Quốc bằng tòa trọng tài tại Tòa án quốc tế về Luật biển, coi đó là minh chứng cho việc giải quyết tranh chấp hòa bình và không cưỡng ép [9].

Năm 2015, Mỹ đã đưa tàu chiến tới Biển Đông tuần tra thực hiện Chương trình tự do hàng hải (FONOP) để thách thức các đòi hỏi về chủ quyền quá đáng của Trung Quốc quanh các đảo tranh chấp. Mỹ thuyết phục các nước ASEAN đưa các nội dung mang tính nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp Biển Đông vào các tuyên bố chung của khu vực, đáng chú ý là Tuyên bố chung tại Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN lần đầu tiên được tổ chức tại Sunnylands, California (2-2016). Mỹ không ngừng nhấn mạnh tầm quan trọng về pháp lý và chính trị qua Phán quyết của Tòa trọng tài quốc tế cũng như hệ lụy của việc phớt lờ phán quyết. Các cấp lãnh đạo Mỹ, từ Chính phủ đến Quốc hội đều nhấn mạnh phán quyết mang tính ràng buộc pháp lý đối với Trung Quốc và Philippines, là cơ hội để các bên tái khởi động nỗ lực giải quyết hòa bình tranh chấp hàng hải. Tuy nhiên, về tổng thể, chính sách Biển Đông dưới thời chính quyền Tổng thống Obama được đánh giá là chưa đủ mạnh để ngăn chặn Trung Quốc đang trở nên mạnh mẽ.

Dưới thời Tổng thống Donald Trump, chiến lược về Biển Đông đã rõ ràng hơn. Tổng thống Donald Trump đã cho phép Lầu Năm Góc, Bộ Chỉ huy Thái Bình Dương được *“tiền trạm hậu tầu”*, tiến hành các nhiệm vụ tuần tra tự do hàng hải mà không cần xin phép trước, trong năm 2017, Hải quân Mỹ đã tiến hành tổng cộng 6 cuộc tuần tra vào các ngày 19/2, 24/5, 2/6, 6/7, 10/8 và 10/10, tăng gấp đôi số cuộc tuần tra so với toàn bộ nhiệm kỳ cuối của cựu Tổng thống Barack Obama. Bước sang năm 2018, Hải quân Mỹ cũng đã tiến hành một cuộc tuần tra vào ngày 20/1, khi tàu khu trục mang tên lửa dẫn đường USS Hopper đi vào phạm vi 12 hải lý xung quanh bãi cạn Scarborough.

Sau khi ban hành chiến lược an ninh mới của Mỹ với khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Mattis đã có chuyến công du 2 nước Đông Nam Á. Tại Jakarta, tướng Mattis đã ca ngợi Indonesia là *“điểm tựa hàng hải của Ấn Độ - Thái Bình Dương”*, đồng thời công khai thừa nhận tên gọi Biển Bắc Natuna mà Jakarta đề xuất. Tại Hà Nội, James Mattis đã thảo luận chủ đề tự do hàng hải ở Biển Đông với Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam, thúc đẩy hợp tác quốc phòng song phương giữa hai nước và đề xuất thực hiện chuyến thăm của tàu sân bay hạt nhân USS Carl Vinson của Hoa Kỳ đến cảng Đà Nẵng vào tháng 3-2018. Mỹ cũng liên tục đưa máy bay ném bom B-52 tới Biển Đông, chiến dịch này là một phần trong sứ mệnh *“hiện diện liên tục máy bay ném bom”* (CBP) của Bộ Chỉ huy Thái Bình Dương Mỹ nhằm *“duy trì sự sẵn sàng của các lực lượng Mỹ”*. Cùng với việc đưa B-52 tới Biển Đông, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Mattis chỉ trích đích danh Trung Quốc về hành động quân sự hóa các đảo trên Biển Đông, cáo buộc Bắc Kinh *“hăm dọa và áp bức”* các nước trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, khẳng định Mỹ không có kế hoạch rời khỏi khu vực này.

Mới đây, ngày 30/09/2018 diễn ra vụ đụng độ giữa tàu chiến Mỹ và tàu hải quân Trung Quốc ở biển Đông, tàu hải quân Trung Quốc áp sát và chỉ cách tàu khu trục USS Decatur của Mỹ 41m khi tàu này tiến hành chiến dịch bảo vệ tự do hàng hải ở Biển Đông. Ngày 04/10/2018 trong bài phát biểu tại Viện Hudson ở Washington Phó Tổng thống Mỹ Mike Pence đã nêu rõ: *“Bất chấp sự quấy nhiễu đầy khinh suất này, tàu và máy bay hải quân Mỹ sẽ tiếp tục hoạt động ở bất kỳ nơi nào luật pháp quốc tế cho phép và lợi ích quốc gia của chúng tôi yêu cầu. Chúng tôi sẽ không sợ bị dọa dẫm. Chúng tôi sẽ không rút lui”* [10].

Chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Donald Trump, mục tiêu cuối cùng cũng là để ngăn chặn nguy cơ Trung Quốc thay thế Mỹ. Do đó ông Donald Trump buộc phải củng cố lại nội lực cho nước Mỹ và tái cấu trúc chính sách an ninh toàn cầu, trong đó Biển Đông vẫn đóng vai trò đặc biệt quan trọng, Bởi Biển Đông đang bị Trung Quốc xem như sân sau, bàn đạp vươn lên vị thế bá chủ toàn cầu và trực tiếp thách thức nước Mỹ. Mỹ sẽ vẫn trung lập trong các vấn đề tranh chấp chủ quyền, nhưng sẽ tăng cường hiện diện ở Biển Đông, thách thức bất kỳ yêu sách hàng hải nào quá đáng và không tuân thủ Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 [11].

3. KẾT LUẬN

Trong những thập niên đầu thế kỉ XXI, chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Biển Đông có sự thay đổi theo chiều hướng gia tăng sự can dự của Mỹ, nhằm phản ứng lại với tình hình gia tăng căng thẳng đối với các tranh chấp, và đặc biệt là đối với các hành vi của Trung Quốc. Mặc dù Mỹ không đứng về bên nào trong các yêu sách về chủ quyền, tuy nhiên Mỹ vẫn tăng cường can dự vào vấn đề với trọng tâm là kiểm soát hòa bình các yêu sách và cuối cùng là giải quyết hòa bình tranh chấp. Do Trung Quốc là quốc gia có sức mạnh trên biển lớn nhất so với các quốc gia yêu sách còn lại ở Biển Đông, Trung Quốc yêu sách tất cả các thực thể ở Biển Đông và duy trì sự mập mờ liên quan đến ý nghĩa và tình trạng pháp lý của đường 9 đoạn. Chính sách của Mỹ chủ yếu là nhằm phản ứng lại những hành vi của Trung Quốc.

Cho đến nay, chính sách của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông có tác dụng nhất định. An ninh hàng hải và vấn đề Biển Đông thường xuyên được bàn thảo tại các hội nghị thường niên, chẳng hạn như Diễn đàn Khu vực ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, đồng thời Trung Quốc và ASEAN cũng bắt đầu có những bước đi hướng tới thỏa thuận về bộ quy tắc ứng xử. Tuy nhiên, nếu như Biển Đông trở thành vấn đề trung tâm trong mối quan hệ song phương Mỹ - Trung, điều đó rất có thể sẽ trở thành một cuộc cạnh tranh rất lớn giữa hai quốc gia về an ninh trong khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thanh Bình (13/11/2018), *Sự chuyển hướng trong chính sách Biển Đông của chính quyền Donald Trump*, <https://baomoi.com/su-chuyen-huong-trong-chinh-sach-bien-dong-cua-chinh-quyen-donald-trump/c/28563327.epi>).
- [2] Thái Giang (16/02/2012), *Chính sách Biển Đông của Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/2368-chinh-sach-bin-ong-ca-m-trong-quan-h-vi-trung-quc>
- [3] Văn Cường (12/06/2012), *Mỹ - Trung: Tỉ số 1-0*, <http://nghiencuubiendong.vn/tin-ncbd/2660-my-trung-ty-so-1-0>
- [4] Trần Bông (29/12/2009), *Biển Đông: Địa chiến lược và Tiềm năng kinh tế*, <http://nghiencuubiendong.vn/tong-quan-ve-bien-dong/504-bien-ong-ia-chien-lc-va-tiem-nng>
- [5] Trần Hiệp (2002), *ASEAN và vấn đề Biển Đông*, Tạp chí Đông Nam Á, (3+4).
- [6] Trung Hiếu (09/11/2018), *Nguy cơ đụng độ Mỹ - Trung Quốc ở Biển Đông là có thật*, <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/nguy-co-dung-do-quan-su-mytrung-quoc-o-bien-dong-la-co-that-836644.vov>
- [7] Ngọc Lê (02/08/2018), *Biển Đông: Mỹ cần chống lại yêu sách chủ quyền của Trung Quốc*, <https://www.voatiengviet.com/a/bien-dong-my-can-chong-lai-yeu-sach-chu-quyen-cua-trung-quoc/4510239.html>
- [8] Trần Khánh (Chủ biên) (2006), *Những vấn đề chính trị kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỉ XXI*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] M. Taylor Fravel (11/08/2014), *Chính sách của Mỹ đối với tranh chấp Biển Đông từ 1995 đến nay*, <http://nghiencuuquocte.org/2014/08/11/chinh-sach-cua-my-doi-voi-tranh-chap-bien-dong-tu-1995-den-nay/>
- [10] Minh Thu (lược dịch) (04/10/2018), *Phó Tổng thống Mike Pence: Mỹ sẽ không để Trung Quốc bắt nạt ở Biển Đông*, <https://infonet.vn/pho-tong-thong-mike-pence-my-se-khong-de-trung-quoc-bat-nat-o-bien-dong-post277748.info>).
- [11] Phạm Doãn Tình (28/01/2018), *Chiến lược của ông Donald Trump ở Biển Đông đang dần rõ ràng hơn*, <http://giaoduc.net.vn/Quoc-te/Chien-luoc-cua-ong-Donald-Trump-o-Bien-Dong-dang-dan-ro-rang-hon-post183378.gd>

- [12] Đinh Công Tuấn (23/07/2018), *Những thay đổi trong chiến lược “Xoay trục châu Á - Thái Bình Dương” của Mỹ trong thời gian tới và cách ứng phó của Việt Nam*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/7020-thay-doi-chinh-sach-xoau-truc-va-ung-pho-cua-viet-nam>
- [13] Hillary Clinton, (2010), *Remarks at Press Availability*, <https://2009-2017.state.gov/secretary/20092013clinton/rm/2010/07/145095.htm>
- [14] Michael D. Swaine and M. Taylor Fravel (2011), *For a complete list of developments during this period, see, China’s Assertive Behavior - Part Two: The Maritime Periphery*, China Leadership Monitor, No. 35 (Summer 2011)
- [15] Mohamed Jawhar bin Hassan, *Disputes in the South China Sea: Approaches for Conflict Management*, in D. da Cunha (ed.) Southeast Asian Perspectives on Security, Singapore, Seng Lee Press, 2000.

AMERICA’S FOREIGN POLICY AT THE SOUTH CHINA SEA IN THE EARLY DECADES OF THE TWENTY- FIRST CENTURY

Le Sy Hung

ABSTRACT

The South China Sea is not only an important location for the maritime powers of the world, but also a strategic and disputed area of powerful countries. On the other hand, the South China Sea is a place where there are fierce disputes over sovereignty, right of sovereignty and jurisdiction over coastal nations because of different views and there is no consensus on how to solve the problem. The interests of America in the South China Sea include the diverse interests of freedom of navigation, economics, politics, military and security. The article analyzes and reviews systematically America’s policy on the South China Sea issue in the early twentieth century. America’s foreign policy toward the South China Sea has changed with the trend of increasing America’s involvement, in response to rising tensions with disputes, and especially with regard to Chinese behaviors. Although America does not take sides in its sovereignty claims, America remains engaged in issues with a focus on peaceful control of the claims and, ultimately, the peaceful resolution of disputes.

Key words: America, South China Sea.